

Bản án số: 420/2022/HS-PT

Ngày: 27/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Các thẩm phán: Ông **Trương Công Thi**

Ông **Phạm Việt Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 378/2022/TLPT-HS ngày 05 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo Trần T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt sản*”; do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2022/HSST ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Bị cáo có kháng cáo: **Trần T**, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1966 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố 3, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần P (*chết*) và bà Phan Thị T1; Vợ Hoàng Thị Linh S (*chết*) và có 04 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt, tạm giam ngày 09/7/2020. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Trần Đức A và ông Nguyễn Văn N - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư T2; địa chỉ: 117B đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

2. Ông Võ Ngọc M - Luật sư, thuộc Văn phòng Luật sư T3; địa chỉ: Số 04 đường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- *Người bị hại:* Ông Ngô Sỹ V; trú tại: Xóm 9 (nay là xóm 7), xã D, huyện D1, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin hoãn phiên tòa.

- *Người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp của ông V.* Ông Lê Văn C và bà Trần Thị D, luật sư Công ty Luật hợp danh F; địa chỉ: Số 99 đường N1, quận H1, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin hoãn phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/11/2017, anh trai của anh Ngô Sỹ V là Ngô Sỹ B1 và một số người cùng ở huyện D1, tỉnh Nghệ An là Lê Hồng Q, Nguyễn Đức Th, Lê Thanh Th1, Võ Hồng Th2, Nguyễn Văn T2 và Hoàng Văn D2 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an tỉnh Tây Ninh khởi tố trong 02 vụ án hình sự về các tội “*Vận chuyển hàng hóa, tiền tệ trái phép qua biên giới*” và “*Vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới*”, sau đó chuyển các vụ án này đến Cơ quan CSĐT Công an huyện T4, tỉnh Tây Ninh để điều tra theo thẩm quyền. Trong thời gian này, qua sự giới thiệu của anh Nguyễn Tiến P, ở tại khu phố 5, Phường Y1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, anh V đã gặp Trần T tại thị xã P1, tỉnh Bình Phước và nhờ T giúp cho anh B1 cùng những người trong 02 vụ án trên với các nội dung cụ thể như sau: Được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Bảo lãnh*”, xin được trả lại 02 xe ô tô khách, số gỗ và đồ la Mỹ đã bị thu giữ. Khi anh V đặt vấn đề nhờ thì T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền nên nói với anh V “*Được rồi cháu cứ đi về đi, nói với gia đình yên tâm, cậu nhận lo cho, để cậu liên hệ, gặp gỡ trên T4 rồi cậu sẽ báo lại cho cháu sau*”, mặc dù không có khả năng giúp đỡ nhưng để tạo niềm tin ban đầu, T yêu cầu anh V đưa T đến Nhà Tạm giữ Công an huyện T4, tỉnh Tây Ninh để biết mặt anh B1. Ngoài ra, T còn cho anh V biết là có quen biết với ông Chiên (*Phó Giám đốc Công an tỉnh Bình Phước*), quen Giám đốc sở Tư pháp tỉnh Bình Phước và quen biết với nhiều người làm việc tại các cơ quan Công an, Tòa án và Viện kiểm sát huyện T4, tỉnh Tây Ninh. Vì vậy có khả năng giúp cho anh B1 và những người khác như anh V đã đặt vấn đề ở trên.

Đầu tháng 01/2018, T điện thoại cho anh V nói “*Chuyển cho cậu một ít để cậu lo việc*”, thì anh V hỏi “*Mấy cậu?*”, T trả lời: “*Tùy con*”. Ngày 22/01/2018, anh V trao đổi với bà Phạm Thị B1 (*mẹ anh V*) và bà B1 đã chuyển vào tài khoản của T số 060170124602 đăng ký tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) số tiền 300.000.000 đồng. Nhận được tiền, T không chuyển tiền cho những người có trách nhiệm giải quyết để lo việc mà T dự định mua đất tại quận Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh nhưng do chi phí trong quá trình đi lại, tiêu xài cá nhân làm thâm hụt nên không đủ tiền mua đất. Trong tháng 02/2018, T tiếp tục đưa ra các thông tin gian dối nên đã 02 lần yêu cầu anh V chuyển với tổng số

tiền 800.000.000 đồng. Tin tưởng T, ngày 02/02/2018, anh V chuyển số tiền 500.000.000 đồng, ngày 12/02/2018, chuyển số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản Sacombank của T.

Tháng 5/2018, lo sợ Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ tiến hành kê biên ngôi nhà của mình tại số 179/21 đường L1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị theo Quyết định về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 03/QĐ-CCTHADS ngày 16/11/2017, nên T đã yêu cầu anh V chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng với lý do lo việc cho Ba nhằm lấy tiền để nộp thi hành án. Thực hiện theo yêu cầu của T, ngày 05/4/2018, anh V trao đổi với bà B1 và chị Bùi Thị Xuân Th2 (vợ anh B1) thống nhất giao tiền cho chị Th2 chuyển vào tài khoản Sacombank của T số tiền 1.000.000.000 đồng.

Sau khi nhận tổng số tiền 2.100.000.000 đồng (trong đó của bà B1 700.000.000 đồng, chị Th2 700.000.000 đồng và anh V 700.000.000 đồng), T không thực hiện việc như đã hứa hẹn với anh V mà T đã sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân. Trong đó, T chuyển số tiền 800.000.000 đồng cho chị Trần Quỳnh G (con gái T) để mua đất. Tuy nhiên, do không mua được đất nên chị Giai đã trả lại cho T số tiền 700.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng T cho chị Giai để chi tiêu cá nhân. Ngày 28/5/2017, T giao cho anh Hồ Sỹ Trần A1 (cháu gọi T bằng cậu ruột) số tiền 677.290.700 đồng để nhờ anh A1 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị để làm thủ tục mua lại căn nhà tại số 179/21 đường L1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị của T bị kê biên, đến thời điểm hiện nay căn nhà này T vẫn đứng tên sở hữu. T trả nợ cho nhiều người với tổng số tiền 115.000.000 đồng, trong đó trả cho chị Ngô Thị Thùy L2 (sinh năm 1970, trú tại khu phố 3, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị) số tiền 25.000.000 đồng, chị Trương Thị Thu O (trú tại Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị) số tiền 30.000.000 đồng, chị Phan Thị Tú T3 (sinh năm 1984, trú tại khu phố L2, phường Đ2, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị) số tiền 30.000.000 đồng, chị Phan Thị Trinh N2 (sinh năm 1986, trú tại khu phố 3, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị) số tiền 30.000.000 đồng. Giao cho anh Trịnh Ngọc A2 là Phó Trưởng Công an huyện, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an huyện T4, tỉnh Tây Ninh mượn số tiền 150.000.000 đồng (số tiền này sau khi T yêu cầu trả lại, anh A2 đã chuyển trả vào tài khoản của T vào các ngày 24 và 25/7/2018) số tiền còn lại, T sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân.

Đến tháng 8 năm 2018, biết T nhận tiền nhưng không thực hiện việc như đã hứa hẹn với mình, anh V đã nhiều lần yêu cầu T trả lại tiền nhưng T không trả. Ngày 24/5/2020, anh V gửi đơn tố cáo hành vi của T chiếm đoạt số tiền 2.100.000.000 đồng do anh V và gia đình chuyển cho T để nhờ T “chạy án” đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Trị.

Tại bản kết luận giám định số 483/KLGD-PC09 ngày 20/6/2020, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị, kết luận: Trong điện thoại Iphone gửi đến giám định:

Có 662 số được lưu trong danh bạ, trong đó tên B Nghệ An lưu vị trí 91 và V Cháu lưu vị trí 638;

Có 395 tin nhắn trên điện thoại trong đó có 12 tin nhắn có liên quan đến “B Nghệ An” và “V Cháu”, kèm theo bản dịch nội dung tin nhắn.

Tại bản kết luận giám định số 4403/C09-P6 ngày 26/8/2020, của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận:

Không phát hiện dấu vết cắt ghép nội dung trong mẫu cần giám định;

Tiếng nói của người nói giọng nam xưng “cậu” (ký hiệu “T” trong *Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định*) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Trần T trong mẫu so sánh là cùng một người nói;

Tiếng nói của người nói giọng nam xưng “con” và được gọi là “V” (ký hiệu “V” trong *Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định*) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Ngô Sỹ V trong mẫu so sánh là cùng một người nói.

Không xác định được tiếng nói của Ngô Sỹ B1 do mẫu cần giám định thời lượng hội thoại ngắn, chất lượng âm thanh kém, mẫu so sánh không phù hợp nên không thể tiến hành giám định được;

Nội dung trong mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản.

Kèm theo kết luận giám định có: 01 Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định gồm 21 trang giấy A4.

Vật chứng thu giữ' trong vụ án:

01 điện thoại di động của Trần T, nhãn hiệu Iphone 6, màu trắng bạc, số imei: 354446069346499, máy đã qua sử dụng;

01 USB màu đen, vỏ bằng nhựa, bên trong có ghi chữ “Apacer USB 3.1” đã qua sử dụng; 01 đĩa CD-R loại 700mb, nhãn hiệu Maxell, vỏ bằng nhựa màu trắng trong suốt, có tem quảng cáo, bên trong có đĩa màu vàng, nhãn hiệu Maxell MQ; 01 đĩa CD-R hiệu Maxell, có dung lượng 700mb-80min, vỏ màu trắng trong có ghi chữ “24/6/2020” bên trong có đĩa màu vàng, số vật chứng này được chuyển theo hồ sơ vụ án;

03 hóa đơn giá trị gia tăng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín; 01 phiếu ủy nhiệm chi của Ngân hàng BIDV; 01 giấy nộp tiền mặt được đưa vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bà Phạm Thị B1 và chị Bùi Thị

Xuân Th2 thống nhất ủy quyền cho anh Ngô Sỹ V đại diện giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của T gây ra. Ngày 24/6/2020, Trần T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bà B1, chị Th2 và anh V số tiền 800.000.000 đồng (trong đó bà B1 200.000.000 đồng, chị Th2 400.000.000 đồng và anh V 200.000.000 đồng). Anh V đại diện cho các bị hại tiếp tục yêu cầu bị cáo trả số tiền còn lại là 1.300.000.000 đồng, trong đó bà B1 500.000.000 đồng, chị Th2 300.000.000 đồng và anh V 500.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2022/HSST ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần T 13 (*Mười ba*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 09/7/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/8/2022, bị cáo Trần T kháng cáo đề nghị tòa án phúc thẩm xét xử lại vụ án đúng người, đúng tội, không để lọt tội phạm.

Ngày 08/8/2022 bị hại Ngô Sỹ V kháng cáo không chấp nhận kiến nghị của Tòa án sơ thẩm hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị tòa án phúc thẩm xét xử lại vụ án đúng người, đúng tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm như sau: Kháng cáo của bị cáo và bị hại là hợp lệ đúng pháp luật được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, qua tranh luận xét thấy việc điều tra là đầy đủ, toàn diện. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng không cung cấp được chứng cứ; vì vậy đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận kháng cáo của bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày tranh luận: tuy trước thời điểm ngày 19/7/2020 bị cáo T khai nhận tội lừa đảo anh Nguyễn Sỹ V, nhưng sau thời gian đó bị cáo bị cáo khai lại thực sự là sau khi nhận tiền của anh V bị cáo có đi gặp những người có trách nhiệm tại Tây ninh để thăm tặng quà và lo cho người thân của anh V được thỏa mãn yêu cầu của họ; lời khai này phù hợp với các chứng cứ khác. Bị cáo không có ý thức chiếm đoạt tiền của bị hại ngay từ đầu; do vậy đề

ngợi HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kiến nghị của HĐXX cấp sơ thẩm hủy án để điều tra bổ sung cho đầy đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần T không thừa nhận hành vi của mình là phạm tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự. Bị cáo cho rằng số tiền nhận được 2.100.000.000đ; trong đó của ông Ngô Sỹ V 700.000.000đ, của bà Phạm Thị B1 (mẹ ông V) 700.000.000đ, của bà Bùi Thị Xuân Th2 (vợ ông Ngô Sỹ B1) 700.000.000đ nhằm đi thăm những người có trách nhiệm trong các cơ quan pháp luật huyện T4, tỉnh Tây Ninh để xử lý vụ việc cho nhẹ nhàng đối với những người thân của ông V là các ông Ngô Sỹ B1, Lê Hồng Q, Nguyễn Đức Th, Lê Thanh Th1, Võ Hồng Th2, Nguyễn Văn T2 và Hoàng Văn D2 trong 02 vụ án hình sự về tội *“Vận chuyển hàng hóa, tiền tệ trái phép qua biên giới”* và *“Vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới”*. Cụ thể là giao cho các ông bà: ông Lê Văn Biết, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T4 400.000.000 đồng; ông Nguyễn Thọ C, Chánh án Tòa án nhân dân huyện T4 khoảng 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng; ông Tạ Thanh B3, Điều tra viên CQĐT Công an huyện T4 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, qua điều tra, xác minh tại Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện T4, không có căn cứ xác định T chuyển tiền cho những cá nhân nói trên. Vụ án *“Vận chuyển hàng hóa, tiền tệ trái phép qua biên giới”* và *“Vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới”* được điều tra, truy tố, xét xử đúng với quy định pháp luật.

[2] Quá trình điều tra xác minh, các chứng cứ tại hồ sơ chứng minh được bị cáo Trần T có hành vi phạm tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* như sau:

Tại Bản tự khai vào ngày 23/6/2020 (BL 606), bị cáo Trần T khai: *“....bản thân tôi đưa ra thông tin để anh Ngô Sỹ V tin tưởng tôi có khả năng giúp anh Ngô Sỹ Ba cùng 06 người khác đang bị cơ quan cơ quan điều tra khởi tố.... Vì tin tưởng tôi nên khi tôi yêu cầu chuyển tiền để lo việc cho anh trai V thì V đều chuyển tiền cho tôi với tổng số tiền 2.100.000.000 đồng.*

Tại Bản ghi lời khai ngày 18/11/2021 (BL 961-966-968), bị hại Ngô Sỹ V khai: *“...T nói có quen biết nhiều người làm to tại tỉnh Bình Phước và Tây Ninh. Thời điểm T nhận lời giúp tôi chạy án là lần đầu tiên vào ngày đầu tháng 12/2017... Ngày 22/01/2018 Trần T mới điện thoại yêu cầu tôi chuyển tiền cho T để T sử dụng cho việc chạy án... Tôi và mẹ tôi là Phạm Thị B1 và em dâu tôi là Bùi Thị Xuân Th2 đã chuyển số tiền 2, 1 tỷ đồng cho T để chạy án, số tiền này do T*

mặc định đưa ra..Lần 1 ngày 22/01/2018 Trần T điện thoại cho tôi bảo tôi chuyển tiền vào tài khoản cho T để T giao cho người có thẩm quyền.... Tôi khẳng định Trần T không thực hiện bất cứ việc làm gì để xin chạy án giúp cho chúng tôi như T đã đưa ra thông tin quen biết nhiều người có thể xin chạy án cho người thân của tôi...Việc T đưa ra thông tin gian dối đó mục đích làm cho chúng tôi tin tưởng là thật để giao tiền cho T...

Tại Bản tường trình ngày 18/11/2021 (BL 982), ông Ngô Sỹ B1 khai: ông Trần T đã nhận tiền của gia đình tôi từ Ngô Sỹ V, mẹ tôi bà Phạm Thị B1 và vợ tôi Bùi Thị Xuân Th2 số tiền 2, 1 tỷ đồng để giúp tôi chạy án. Ông hứa ngày 8/1/2018 ông sẽ cho 06 người tại ngoại rồi ông lại hứa sang ngày khác nhưng cũng không được.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 19/11/2021 (BL970), bị hại Ngô Sỹ V: “...Tôi được biết Trần T không liên hệ với ai ở Công an, Viện kiểm sát, Toà án ở tỉnh Tây Ninh và huyện T4 để xin chạy án cho người thân của tôi.

Tại Bản cung ngày 25/11/2021 (BL 985- 987), bị cáo Trần T khai: “.....trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 5/2018, tôi 04 lần yêu cầu anh Ngô Sỹ V chuyển tiền vào tài khoản của tôi số tiền 2.100.000.000đ. Tôi không quen biết cũng như không có mối quan hệ với người giữ chức vụ trong Đảng, Chính quyền, ngành Công an, Viện kiểm sát, Toà án tỉnh Tây Ninh...”

Tại Bản tự khai ngày 26/11/2021 (BL 976), người liên quan ông Nguyễn Tiến P khai: “...tôi suy nghĩ cậu T quen biết rộng, quen được em của Chủ tịch nước Trần Đại Quang thì sẽ giúp được việc của anh V.... ”

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T thừa nhận có nhận của anh Ngô Sỹ V tổng cộng 2.100.000.000đ và lời khai ban đầu bị cáo cho rằng có chi ra đi thăm nhiều người để giúp đỡ cho người nhà anh V là 1.830.000.000đ; nên số tiền phải còn lại 270.000.000đ. Sau đó bị cáo thay đổi lời khai là số tiền 2.1000.000.000đ bị cáo sử dụng cho bản thân nên đã khắc phục lại cho bị hại 800.000.000đ, giải trình cho việc thay đổi lời khai bị cáo cho rằng do khai theo ý dàn xếp của cán bộ điều tra. Tuy nhiên, bị cáo cũng cho biết quá trình điều tra không bị cán bộ điều tra dùng vũ lực hay ép cung; nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

[4] Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần T không thừa nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện như quá trình điều tra vụ án. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của người bị hại, người có liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã được Cơ quan cảnh sát điều tra thu thập. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: vì động cơ tư lợi cá nhân nên vào cuối tháng 11/2017, sau khi ông Ngô Sỹ V đặt vấn đề nhờ giúp đỡ cho các ông Ngô Sỹ B1, Lê Hồng Q, Nguyễn Đức Th, Lê Thanh Th1, Võ Hồng

Th2, Nguyễn Văn T2 và Hoàng Văn D2 bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tây Ninh khởi tố bị can trong 02 vụ án hình sự về các tội “*Vận chuyển hàng hóa, tiền tệ trái phép qua biên giới*” và “*Vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới*; dù không có khả năng giúp gia đình ông V nhưng Trần T vẫn đưa ra thông tin gian dối là có quen biết nhiều người giữ chức vụ tại các cơ quan tổ tụng tại huyện T4, tỉnh Tây Ninh và các cơ quan khác có thể nhờ giúp đỡ cho những cá nhân trên nhằm chiếm đoạt tài sản của ông V và gia đình ông V. Do vậy, từ tháng 01/2018 đến tháng 4/2018, T đã 04 lần chiếm đoạt của ông V tổng số tiền 2.100.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt số tiền trên, T đã sử dụng vào việc trả nợ tiền mua đất, nộp tiền thi hành án của bản thân và tiêu xài cá nhân, mà không lo việc cho người bị hại như đã hứa.

[5] Với hành vi và hậu quả như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Trần T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Áp dụng điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần T 13 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo Trần T về việc đề nghị tòa án phúc thẩm xét xử lại vụ án đúng người, đúng tội, không để lọt tội phạm; HĐXX thấy rằng: bị cáo T cho rằng bị cáo nhận tiền để giao cho những người trong các cơ quan pháp luật huyện T4, tỉnh Tây Ninh; do đó bị cáo không phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, bị cáo cùng với những người trên phạm một tội khác nhẹ hơn. Tuy nhiên qua điều tra không có căn cứ để khởi tố vụ án và xử lý hình sự những người trên như bị cáo đề nghị. Riêng ông Trịnh Ngọc A2, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an huyện T4, T khai giao cho ông A2 số tiền 1.300.000.000 đồng, nhưng quá trình điều tra chỉ chứng minh được số tiền 150.000.000 đồng ông A2 chuyển trả vào tài khoản của T. Theo lời khai của ông A2 đây là số tiền đã mượn của T để giải quyết việc cá nhân, nhưng T không thừa nhận. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng không có kết quả. Ngày 13/01/2022, VKSND tỉnh Quảng Trị ban hành Kiến nghị vi phạm đối với hành vi vi phạm của ông Trịnh Ngọc A2 gửi Giám đốc Công an tỉnh Tây Ninh để xử lý theo quy định của ngành là thỏa đáng.

[7] Xét kháng cáo của người bị hại Ngô Sỹ V, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà chấp nhận kháng cáo của bị hại không hủy án sơ thẩm; HĐXX thấy rằng: người bị hại chỉ có quyền kháng cáo phần quyết định của bản án liên quan mức hình phạt và phần bồi thường của bị cáo; do vậy HĐXX không xem xét việc kháng cáo phần kiến nghị trong nhận định của bản án.

[8] Từ những nhận định trên đây; xét thấy kháng cáo của bị cáo Trần T không có căn cứ, nên không được chấp nhận; ý kiến của kiểm sát viên phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2022/HSST ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Tuyên bố bị cáo Trần T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt **Trần T 13 (Mười ba) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 09/7/2020.

2. Án phí phúc thẩm hình sự: bị cáo Trần T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (27/9/2022).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường